

THÔNG TIN CHUYÊN ĐỀ

KỶ NIỆM 100 NĂM NGÀY SINH ĐỒNG CHÍ TỐ HỮU (4/10/1920 - 4/10/2020)



NHÂN 100 NĂM NGÀY SINH NHÀ THƠ TỐ HỮU (1920 - 2020): TỐ HỮU, Ý NGOÀI THƠ

Năm 1990, Hội Nhà văn Việt Nam có sáng kiến tổ chức mừng thượng thọ 70 Tố Hữu (ảnh nhỏ) tại tư thất của ông, ở phố Phan Đình Phùng, Hà Nội. Có mặt các anh lãnh đạo Hội Nhà văn lúc đó, Vũ Tú Nam, Chính Hữu và một số nhà thơ lớp trước, lớp sau. Buổi họp mặt có quay phim truyền hình, và đã phát sau đó. Tôi được phân công dẫn giải, bình luận các bài thơ của Tố Hữu.

Ông bà Tố Hữu đón và đưa tất cả chúng tôi vào phòng khách. Một bộ sa lông gỗ đã cũ, kiểu sa lông cải tiến những năm 60 kê thêm một loạt ghế dựa. Tố Hữu nghe giới thiệu khách, nhìn từng người. Ông xúc động nói: Anh em đến với mình quý quá, tri kỷ tri âm lắm. Khi nhắc những kỷ niệm về Bác Hồ, ông khóc nhưng lau ngay giọt lệ để đọc thơ. Hôm ấy ông nói ít, nhiều chỗ ngập ngừng. Tôi đã có may mắn được ngồi nghe ông trò chuyện mấy lần, tôi có cảm giác mình hiểu được nỗi xúc động và sự ngập ngừng lúc này của nhà thơ, nhà cách mạng lão luyện đó.



Khi trò chuyện chỉ có hai người. Tôi hay mạnh dạn hỏi và được ông trả lời tự nhiên, thoải mái, rất lời cuốn. Tháng 3-1987, nhân ý tôi nhận xét thơ ông mỏng những tình cảm riêng tư quá. Ông nói:

- Tôi làm thơ không phải do bản thân thơ, vì thơ. Với tôi, thơ là một phương tiện của chính trị. Thơ nó dễ tác động. Nói miệng anh em ghi thế nào hết ý được. Chưa kể người ghi lại thường có ý thức nhào nặn lại. Gọi tôi là nhà thơ, oan tôi. Tôi làm chính trị chuyên nghiệp, làm thơ nghiệp dư.

Tôi hỏi ông việc làm thơ trong tù. Cảm xúc đến thế nào, viết rồi lưu hành ra sao?

- Tôi viết bằng mọi cách. Có lúc dùng kim viết lên tường. Nên cũng mất nhiều, hàng chục bài. Tiếc nhất bài về Maxcova, tôi viết lúc phát xít đánh Maxcova, rồi tình hình đất nước lúc ấy, tôi cố ghi lại. Trong tù tôi sống với mấy anh Trôxkit, họ chọc tức tôi. Tôi viết như một cách trả lời.

Tôi lại hỏi ông sao ít viết thơ tình yêu. Có phải làm lãnh đạo viết thơ tình nó bất tiện chăng? Ông trả lời ngay như không phải nghĩ ngợi sắp xếp gì:

- Hồi kháng chiến thơ gì cũng dẫn đến lòng yêu nước, kể cả thơ tình yêu. Aragon, Êlua, Nêruđa, Hikmet đều thế. Không ai cấm, ai lại cấm trai gái thương nhau. Nhưng trong kháng chiến phải che giấu tình cảm này vì nhìn ra quanh mình, anh chị em mình đang phải xa chồng xa vợ. Tự thấy không nở. Không thấy đôi nào đi dạo trong rừng kháng chiến. Người trong cuộc tự thấy không nên. Gây nhức nhối cho người khác vô ích. Nhưng đòi hỏi phải có tình cảm này trong văn học. Tình cảm Đợi anh về là một ví dụ. Có lẽ thơ tình kháng chiến không bài nào hơn *Đợi anh về*.



Nhà thơ Tố Hữu (thứ 2 bên trái) trong chuyến công tác tại Lâm Đồng năm 1977. (Ảnh tư liệu).

Tố Hữu nói một hơi, rõ ràng khúc chiết, tinh tế một vấn đề vốn không dễ thống nhất giữa những người làm thơ. Tôi lắng nghe, cố hình dung những quan niệm cốt lõi của ông về thơ. Thơ Tố Hữu đã luôn ám ảnh tâm trí tôi suốt thời đi học, phần vì do bài học, bài thi hay đọng tới thơ ông, phần vì trong tập *Từ ấy* ông có những câu thơ hay, đầy gợi cảm mà lại chất chứa một lòng tốt với cuộc đời rất lớn lao. Trong tù lắng nghe tiếng động bên ngoài:

Nghe lạc ngựa rừng chân bên giếng lạnh

Dưới đường xa nghe tiếng guốc đi về

Trong tù lắng nghe lòng mình, một tâm tư:

Gì sâu bằng những trưa thương nhớ

Hiu quạnh bên trong một tiếng hò

Thương nhớ tạo nên chiều sâu một buổi trưa tù và hiu quạnh thì đọng đầy một tiếng hò. Chính xác trong tâm lý và bí ẩn trong sức gợi cảm của câu thơ. Thơ Tố Hữu như thuộc về một chân trời lạ, tôi không với tới được. Hấp dẫn, say mê nhưng đầy bí ẩn. Cuộc đời tác giả thuở thanh niên có vẻ đẹp của thần thoại, của anh hùng ca. Đời tác giả đã thành một bảo đảm, một thuyết phục cho tác phẩm:

Tôi đã là con của vạn nhà

Là em của vạn kiếp phôi pha

Là anh của vạn đầu em nhỏ

Không áo cơm cầu bần cầu bơ

Ông đã thành người cộng sản từ năm 18 tuổi. Mười chín tuổi bị tù đầy. Nhiều phen phút chết đã kề bên. Tố Hữu hiểu gian lao con đường mình chọn

Dấn thân vô là phải chịu tù đầy

Là gươm kề tận cổ, súng kề tai

Là thân sống chỉ coi còn một nửa.

Cái giá để là *con của vạn nhà* là vậy. Để giữ được mình trước thử thách và cạm bẫy, Tố Hữu phải tự đấu tranh rất nhiều. Bài thơ *Con cá chột nưa* kể lại cuộc đấu tranh nội tâm trong những ngày tuyệt thực ở nhà tù Lao Bảo tháng 11-1940. Ông dặn khi chọn tuyển cho ông đừng để sót bài đó. Ông thích nó, có lẽ ông cho rằng tiếng nói bên trong tâm hồn mỗi con người bây giờ và bao giờ cũng rất cần có nó

Không thể gì quyến rũ

Mua bán được lương tâm

Danh dự của riêng thân

Là của chung đồng chí

Một lần khác. Tố Hữu nói:

- Tôi không tin yếu thắng mạnh. Phải mạnh mới thắng được mạnh. Mạnh không chỉ ở súng đạn, tiền bạc mà ở nhiều yếu tố, ở phẩm chất con người. Tính toán sức mạnh là phải tính toán tổng hợp, thấy cho hết các yếu tố. Trong kháng chiến vừa qua, ta đã lấy cái đứng im mà thắng cái bay nhanh của Mỹ. Bắn máy bay bằng súng trường. Trở lại yếu tố con người. *Nhìn thẳng quân thù mà bắn*. Con người phải không run mới nhìn thẳng được chứ. Kháng chiến chống Pháp ta thắng nhờ sức mạnh của tình đồng bào. Chống Mỹ ta thắng là nhờ tình đồng chí. (Tôi nghĩ: chắc ông nói tình đồng chí trong toàn phe).

Tôi chăm chú nghe ông và thầm lý giải cho mình cái lý do ông nói tôi *chưa được làm thơ vì thơ*. Hồi "Tù ấy" tôi viết để vận động cách mạng. Sau này tôi viết để giải quyết những vấn đề tư tưởng. Tôi nhớ Phan Bội Châu viết thư gửi đồng bào bằng máu và nước mắt (Hải ngoại huyết lệ thư). Tôi nhớ Bec tôn Brêch, nhà thơ Cộng sản Đức trong thời Hitler xưng hùng xưng bá, đã có câu thơ đại ý: Lúc này thơ nói đến cây là điều có tội. Tính mục đích của văn học, của thơ, với Tố Hữu là rõ rệt. Tôi nghĩ: ông có lý.

Ông nói tiếp: - Cô đơn vẫn còn là bệnh thời đại và còn kéo dài. Ngẫm nghĩ một lát, ông nói tiếp: Văn nghệ phải vừa khẳng định, vừa phủ định. Không nên coi cái nào là chính, là phụ. Cách nghĩ đó cũ. Lên án mạnh là khẳng định mạnh. Phải dũng cảm và trí lực. Mỗi triều đại lên và xuống là do biết chăm hay không chăm cái này. Cái mà Nguyễn Trãi gọi là Dân. Được một bát cơm cay chua lắm. Không phải mọi thứ đều hạch toán được đâu *Máy ai ra chợ mà mua anh hùng*. Văn học phải trở lại nhân học, dân tộc học để tìm hiểu, để xây dựng lối sống.

Nhà thơ bữa đó nói liền qua trưa, quên cả giờ ăn. Tới gần hai giờ tôi tự buộc mình không được để ông mệt. Tiễn tôi, ông dặn: Nên lại chơi nói chuyện thơ với ông. Lúc trước ông hay bàn về thơ với Chế Lan Viên. Chế Lan Viên vào TP Hồ Chí Minh ông vẫn trao đổi được. Từ ngày ông Chế mất, ông trống trải quá. Tôi thấy nói chuyện thơ, với ông, là nói chuyện đời, thơ lẫn trong việc đời, việc chính trị. Ông nghĩ ngợi hệ thống và có những tiêu chí thống nhất để đánh giá thơ, đánh giá đời. Tôi có nhận xét ông chuyển tải vào thơ quá ít những điều ông nghĩ. Ông nói sắc và sinh động sao vào thơ vấn đề như bị mờ đi. Do thơ ước lệ hay do ông kín đáo?

TIỂU SỬ CUỘC ĐỜI VÀ SỰ NGHIỆP SÁNG TÁC CỦA NHÀ THƠ TỐ HỮU

Tố Hữu (tên thật là Nguyễn Kim Thành; 1920–2002) là một nhà thơ tiêu biểu của dòng thơ cách mạng Việt Nam.

Tiểu sử



Ông sinh tại Hội An, tỉnh Quảng Nam. Nhiều tài liệu, sách báo thường ghi ông sinh tại làng Phù Lai, nay thuộc xã Quảng Thọ, huyện Quảng Điền, tỉnh Thừa Thiên-Huế. Ông đã nói rõ điều này trong cuốn *Một thời nhớ lại*, NXB Hội Nhà văn, 2000: *Nhưng thực ra tôi sinh ở Hội An, tỉnh Quảng Nam, năm 1920, và ở đó đến năm chín tuổi mới theo cha ra Huế* (trang 8).

Năm lên 12 tuổi, mẹ mất. Năm 13 tuổi, vào trường Quốc học (Huế). Tại đây, được trực tiếp xúc với tư tưởng của Karl Marx, Friedrich Engels, Vladimir Ilyich Lenin, Hồ Chí Minh, Maxim Gorki... qua sách báo, kết hợp với sự vận động của các đảng viên của Đảng Cộng sản Việt Nam bấy giờ (Lê Duẩn, Phan Đăng Lưu, Nguyễn Chí Diểu), Nguyễn Kim Thành sớm tiếp cận với lý tưởng cộng sản. Ông gia nhập Đoàn thanh niên và được kết nạp vào đảng năm 1938.

Tháng 4 năm 1939, bị bắt, bị tra tấn dã man và đầy đi nhiều nhà lao. Trong tù, Nguyễn Kim

Thành luôn giữ vững khí tiết, tiếp tục hoạt động cách mạng ở mọi hoàn cảnh.

Cuối 1941, vượt ngục (về hoạt động bí mật ở Hậu Lộc, Thanh Hóa). Khi Cách mạng tháng Tám bùng nổ, là chủ tịch Ủy ban khởi nghĩa của thành phố Huế. Năm 1946, là bí thư Tỉnh ủy Thanh Hóa. Cuối 1947, lên Việt Bắc làm công tác văn nghệ, tuyên huấn. Từ đó, luôn giữ những trọng trách trong công tác văn nghệ, trong bộ máy lãnh đạo Đảng và nhà nước:

- 1948: Phó Tổng thư ký Hội Văn nghệ Việt Nam;
- 1963: Phó Chủ tịch Hội Liên hiệp văn học nghệ thuật Việt Nam;
- Tại đại hội Đảng lần II (1951): Ủy viên dự khuyết Trung ương; 1955: Ủy viên chính thức;
- Tại đại hội Đảng lần III (1960): vào Ban Bí thư;
- Tại đại hội Đảng lần IV (1976): Ủy viên dự khuyết Bộ Chính trị, Bí thư Ban chấp hành Trung ương, Trưởng ban Tuyên truyền Trung ương, Phó Ban Nông nghiệp Trung ương;
- Từ 1980: Ủy viên chính thức Bộ Chính trị;

- 1981: Phó Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng, rồi Phó Chủ tịch thứ nhất Hội đồng Bộ trưởng cho tới năm 1986. Ngoài ra ông còn là Bí thư Ban chấp hành Trung ương.

Ông từng đảm nhiệm nhiều chức vụ khác như Hiệu trưởng Trường Nguyễn Ái Quốc, Trưởng Ban Thống nhất Trung ương, Trưởng Ban Tuyên huấn Trung ương, Trưởng Ban Khoa giáo Trung ương. Ông còn là Đại biểu Quốc hội khoá II và VII.

Sau khi Lê Duẩn mất, có sự thay đổi mạnh mẽ tiến tới đổi mới nhằm thoát khỏi khủng hoảng kinh tế toàn diện. Ông bị mất uy tín vì vai trò "nhà thơ đi làm kinh tế" không thành công nên bị miễn nhiệm mọi chức vụ, chỉ còn làm một chức nghiên cứu hình thức.

Ông mất 9h15' ngày 9 tháng 12 năm 2002 tại Bệnh viện 108.

Quan điểm chính trị

Ông là người đã phê phán quyết liệt phong trào Nhân văn-Giai phẩm với tư cách là người thay mặt Đảng Cộng sản Việt Nam phụ trách văn nghệ.

Ngoài ra, ông còn là nhà thơ chính trị, có nhiều bài ca ngợi các lãnh tụ cộng sản quốc tế như Lenin, Stalin, Mao Trạch Đông, Hồ Chí Minh. Ví dụ:

Lê-nin ơi, Người Thầy, Người Cha

Niềm tin trong sáng mãi lòng ta

Đêm nay nằm đó, mà thanh thản

Vàng trán mệnh mông toả chói loà.

Bữa trước mẹ cho con xem ảnh

Ông Stalin bên cạnh nhi đồng

Áo Ông trắng giữa mây hồng

Mắt Ông hiền hậu, môi Ông mỉm cười

Stalin! Stalin!

Yêu biết mấy, nghe con tập nói

Tiếng đầu lòng con gọi Stalin...

Có Người (Stalin) mới có được nổi cơm no

Có Người mới có tự do tháng ngày

Hoan hô Stalin!

Đời đời cây đại thụ

Rợp bóng mát Hoà bình

Đứng đầu sóng ngọn gió

Hoan hô Hồ Chí Minh!

Cây hải đăng mặt biển

Bão táp chẳng rung rinh

Lửa trường kỳ kháng chiến!

// <https://vndoc.com>

THƠ TỐ HỮU VỚI ĐẢNG VÀ MÙA XUÂN

Tố Hữu là nhà thơ trữ tình - chính trị, là lá cờ đầu của thơ ca cách mạng Việt Nam. Người thanh niên tuổi mười tám Nguyễn Kim Thành đã đến với thơ và đến với cách mạng cùng một lúc. Con đường cách mạng và con đường thơ, sự nghiệp thơ và sự nghiệp cách mạng, với Tố Hữu là không thể tách rời. Trên con đường thiên lí đầy vinh quang và lắm chông gai ấy, Đảng và mùa xuân là hai đề tài luôn gắn liền như chính cách mạng và thơ ông vậy. Đảng là lẽ sống - là niềm tin; mùa xuân là sức sống - là nguồn cảm hứng; Đảng đem lại mùa xuân. Mùa xuân với Đảng đem lại nguồn cảm hứng dạt dào cho hồn thơ Tố Hữu.



Bác Hồ nói chuyện với các nhà thơ, nhà văn Tố Hữu, Phan Tứ, Trần Đình Văn. Ảnh: Tư liệu

Đảng là lẽ sống - là niềm tin

Đối với Tố Hữu, trong sự nghiệp sáng tác thơ ca của mình, bên cạnh các chủ đề về dân tộc, nhân dân, đất nước, Bác Hồ kính yêu,... chủ đề về Đảng là một phần quan trọng không thể thiếu được. Bởi chỉ có Đảng mới đem lại cho ông một sự nghiệp thơ đồ sộ đến như vậy. Ngay từ những ngày đầu được đứng vào hàng ngũ của những người cộng sản, Tố Hữu đã cảm nhận được nguồn ánh sáng chói lòa mà Đảng - “mặt trời chân lí” mang lại khiến trái tim và khối óc người

thanh niên đang “băn khoăn đi kiếm lẽ yêu đời” ấy bỗng “bừng nắng”:

Từ ấy trong tôi bừng nắng hạ

Mặt trời chân lý chói qua tim

Và Từ ấy cho đến khi trút hơi thở cuối cùng, Tố Hữu đã trọn đời theo Đảng và trọn đời hiến dâng hồn thơ trữ tình dạt dào của mình cho Đảng. Là người biết làm thơ từ khi mới lên sáu, lên bảy, nhưng có lẽ phải đến tuổi thanh niên, thơ ông mới thực sự bộc lộ những nét khác biệt so với các nhà thơ cùng thế hệ. Trong lúc các thi nhân thơ mới mãi mê ru mình trong tháp ngà cô đơn và lấy nỗi buồn làm cứu cánh thì Tố Hữu đã trở thành nhà thơ của lí tưởng cộng sản. Nhưng có lẽ, chỉ đến khi đất nước độc lập, miền Bắc hòa bình, cả nước đấu tranh giải phóng miền Nam thì nguồn cảm hứng về Đảng của Tố Hữu mới thực sự dâng trào như suối nguồn vô tận.

Trong rất nhiều những bài thơ viết về Đảng làm lay động lòng người của Tố Hữu, Ba mươi năm đời ta có Đảng có lẽ là bài thơ được nhắc đến nhiều nhất. Đảng là niềm tin, là sức mạnh. Đảng đấu tranh vì lợi quyền dân tộc, mang hạnh phúc, ấm no cho mỗi con người: “Đảng ta, muôn vạn công nông/ Đảng ta, muôn vạn tấm lòng niềm tin/ Đảng ta, Mác - Lênin

vĩ đại/ Lại hồi sinh, trả lại cho ta/ Trời cao, đất rộng bao la/ Bát cơm, tấm áo, hương hoa, hồn người”.

Mùa xuân năm 1961, nhà thơ tâm nguyện: “Trái tim anh chia ba phần tươi đỏ/ Anh dành riêng cho Đảng phần nhiều/ Phần cho thơ và phần để em yêu...” Trái tim “chia ba” chỉ là một cách nói ước lệ để qua đó nhà thơ tỏ bày tấm lòng, tình yêu, sự son sắt thủy chung của mình dành cho Đảng.

Mùa Xuân Mậu Thân 1968, nhà thơ nói lời cảm ơn Đảng từ sâu thẳm trái tim mình: “Cảm ơn Đảng của chúng ta, Đảng làm ra ánh sáng/ Người chưa đưa ta lên được sao Kim/ Nhưng đã cho ta một linh hồn và một trái tim/ Biết lẽ phải, biết yêu thương, căm giận/ Biết đi tới và làm nên thắng trận”. Đảng “làm ra ánh sáng” - ánh sáng của “mặt trời chân lí chói qua tim” là nguồn sáng từ “Từ ấy” đến hôm nay và mãi mãi mai sau.

Mùa xuân năm 1977, khi Bắc Nam đã liền một dải, nhìn lại hành trình 40 năm đi theo Đảng, Tố Hữu cảm thấy xúc động vô cùng: “Đảng dạy tôi biết ngẩng đầu, đứng dậy/ Vững hai chân, đứng thẳng, làm người/ Tôi đi tới, với bạn đời, từ ấy/ Đến hôm nay, mới thấy trọn vùng trời”...

Như vậy, rõ ràng nhà thơ đã thuộc về Đảng thân yêu của mình. Và Đảng là một phần máu thịt không thể thiếu trong sự nghiệp sáng tạo thi ca của nhà thơ. Rằng: “Thơ với Đảng nặng duyên to”. Đối với Tố Hữu, thực chất thơ với Đảng không chỉ “nặng duyên to” mà đã hòa quyện làm một ngay từ khi ông xác định đứng trong hàng ngũ của Đảng để phục vụ nhân dân và để làm thơ. Đây là mục đích, là lý tưởng và lẽ sống của ông trong suốt cuộc đời - sống cho Đảng và để làm thơ.

Mùa xuân là sức sống - là nguồn cảm hứng bất tận

Hầu hết những tập thơ của Tố Hữu đều có sự hiện diện của mùa xuân. Có nhiều bài thơ mà tiêu đề trực tiếp nói về mùa xuân: Tập Từ ấy có 3 bài: Ý Xuân, Xuân đến, Xuân nhân loại. Tập Gió lộng có 3 bài: Trên miền Bắc mùa Xuân, Bài ca mùa Xuân 1961, Giữa ngày Xuân. Tập Máu và Hoa có 2 bài: Với Đảng mùa Xuân, Một khúc ca Xuân. Đặc biệt hơn cả là tập thơ Ra trận với 7 bài thơ trực tiếp nói về mùa xuân: Tiếng hát sang Xuân, Xuân sớm, Chào Xuân 67, Bài ca Xuân 68, Xuân 69, Bài ca Xuân 71, Xtalingrat - một ngày Xuân. Và không ít những bài thơ tuy không trực tiếp nói đến xuân nhưng cảm xúc xuân luôn dâng tràn trong đó: Việt Bắc, Ba mươi năm đời ta có Đảng, Trên đường thiên lý, Đêm giao thừa, Đêm đầu năm....

Mùa xuân trong thơ Tố Hữu là sức sống - là nguồn cảm hứng bất tận. Mùa xuân gắn liền với khúc ca ra trận, là mệnh lệnh tiến công, là lời kêu gọi, cổ vũ hào hùng của dân tộc trong cuộc chiến đấu trên cả hai miền Nam - Bắc: “Anh chị em ơi! Hỡi giương súng lên cao chào Xuân 68/ Xuân Việt Nam, xuân của lòng dũng cảm” (Bài ca Xuân 68).

Nặng lòng với mùa xuân, duyên nợ với mùa xuân, với Tố Hữu, mùa xuân luôn mang ý nghĩa biểu trưng, biểu trưng cho cái đẹp, cho sức mạnh của tuổi trẻ, cho tương lai tươi sáng của dân tộc, của đất nước, cho những con người đẹp đẽ, kiên trung, cho niềm vui ngập tràn, niềm hạnh phúc lớn lao: “Xuân đã đến rồi. Hỡi hã tương lai/ Khói những nhà máy mới ban mai...” (Bài ca mùa Xuân 1961); “71 đến nghiêm trang như người lính/ Có lệnh là đi, tư thế sẵn sàng...”, “Đất nước vào xuân gọi những cánh đồng/ Giống mới rộn ràng năm tấn” (Bài ca Xuân 71).

Một điều rất xúc động là khi viết về mùa xuân, nhà thơ Tố Hữu thường liên tưởng, nhớ đến Bác Hồ - người sáng lập Đảng ta. Tố Hữu luôn dành cho Bác tình yêu thương chân

thành nhất, nồng ấm nhất, với sự biết ơn sâu sắc nhất. Nhà thơ luôn đặt Bác bên mùa xuân, Bác là mùa xuân của dân tộc: “Bác ơi Tết đến giao thừa đó/ Vẫn đón nghe thơ Bác mọi lần”... “Bảy mươi chín tuổi Xuân trong sáng” (Theo chân Bác); “Bác Hồ gọi ấy là mùa Xuân đến” (Bài ca Xuân 68)...

Một điều cũng rất đặc biệt là mùa xuân trong thơ Tố Hữu không chỉ được lồng trong hình tượng Bác Hồ mà còn được lồng trong hình tượng Đảng: Đảng - Bác - Mùa xuân!

Với Đảng, mùa xuân

Với Đảng, mùa xuân là nhan đề một bài thơ dài và hay viết về Đảng của Tố Hữu mà ở đó nhà thơ đã đồng nhất mùa xuân với Đảng. Hình tượng Đảng và hình tượng mùa xuân luôn đồng hiện trong suốt bài thơ. Và đây cũng là điểm chung thường thấy trong rất nhiều bài thơ xuân của ông. Bằng cách này, nhà thơ như muốn nhấn nhủ với chúng ta rằng: Chỉ có Đảng soi đường chỉ lối mới đem lại mùa xuân cho đất nước và cho mỗi con người. Tố Hữu như nói hộ mối ân tình với Đảng của mỗi người Việt Nam:

Xứ sở mình có đủ nắng quanh năm

Cuộc sống ấm ân tình của Đảng

Với Tố Hữu, Đảng rất nặng ân tình. Từ ngày đi theo Đảng cho đến trọn cuộc đời, chưa phút giây nào nhà thơ quên mối ân tình sâu nặng ấy. Người chiến sĩ cộng sản kiên trung ấy đã lấy bầu máu nóng trong tim hòa với lí tưởng để viết nên những vần thơ chan chứa ân tình rồi truyền cho các thế hệ độc giả niềm tin tuyệt đối vào Đảng.

Với Đảng, mùa xuân, tác giả đã đồng nhất hình tượng Đảng với hình tượng mùa xuân bởi Đảng với mùa xuân - mùa xuân với Đảng đã trở thành một thực thể thống nhất.

Cách đây bốn mươi ba mùa xuân, khi Tố Hữu viết Với Đảng, mùa xuân, Đại hội Đảng toàn quốc lần đầu tiên sau khi đất nước thống nhất đã mở ra một sức xuân mới trong lịch sử dân tộc: “Lịch sử sang trang/ Đại hội Đảng mở mùa vui. Phơi phới/ Từ chiến trường ra, ta xốc tới công trường/ Người chiến thắng là người xây dựng mới/ Anh em ơi/ Tất cả lên đường!”.

Một mùa xuân mới đang về! Chúng ta vẫn vẹn nguyên niềm tin như nhà thơ Tố Hữu năm xưa: “Cả trời đất vào Xuân, cùng ta đồng khởi/ Cho những mùa gặt lớn mai sau/ Phải nhanh chân từ những bước đầu/ Tổ quốc ta phải giàu, phải mạnh”.

Một mùa xuân mới đang về! Một kỳ Đại hội mới của Đảng sắp diễn ra. Một trang mới của cách mạng, của nhân dân, đất nước đang mở ra đón vận hội mới. Với bản lĩnh chính trị được rèn luyện qua 90 mùa xuân, với sức sáng tạo luôn tươi mới như “chồi non, lộc biếc”, chúng ta tin tưởng rằng Đảng ta sẽ lãnh đạo đất nước vượt qua thử thách, chèo lái con thuyền cách mạng Việt Nam đến bến bờ vinh quang. Nhà thơ Tố Hữu thân yêu của chúng ta, nhà thơ trung thành trọn đời theo Đảng, người chiến sĩ cách mạng trọn đời hiến dâng cho lí tưởng, người thơ của sông Hương xứ Huế ngọt ngào... đã ngừng làm thơ gần hai thập kỷ qua... Nhưng những vần thơ của ông về Đảng và mùa xuân vẫn luôn hiện hữu trong đời sống tâm hồn dân tộc và chắc chắn đã và sẽ tiếp lửa cho rất nhiều thế hệ các nhà thơ Việt Nam say sưa với những khúc ca mừng Đảng, mừng xuân, mừng đất nước.

Lê Hồng Chính // <http://baothanhhoa.vn>

TỐ HỮU: NGƯỜI MỞ ĐƯỜNG NỀN THƠ CÁCH MẠNG

Sinh năm 1920 tại làng Phù Lai, gần cố đô Huế, Tố Hữu có tên thật là Nguyễn Kim Thành, làm thơ khá sớm. Mười tám tuổi có thơ đăng. Cùng năm đó, ông gia nhập Đảng Cộng sản. Tháng 4/1939, ông bị Pháp bắt. Tháng 3/1942, ông vượt ngục Đắklây, tiếp tục hoạt động cách mạng ở Thanh Hóa. Cách mạng tháng Tám 1945, ông làm Chủ tịch Ủy ban khởi nghĩa Huế. Năm 1946 xuất bản tập thơ đầu tay Thơ (tái bản đổi là Từ ấy), tập hợp các bài viết từ 1937.

Sinh năm 1920 tại làng Phù Lai, gần cố đô Huế, Tố Hữu có tên thật là Nguyễn Kim Thành, làm thơ khá sớm. Mười tám tuổi có thơ đăng. Cùng năm đó, ông gia nhập Đảng Cộng sản. Tháng 4/1939, ông bị Pháp bắt. Tháng 3/1942, ông vượt ngục Đắklây, tiếp tục hoạt động cách mạng ở Thanh Hóa. Cách mạng tháng Tám 1945, ông làm Chủ tịch Ủy ban khởi nghĩa Huế. Năm 1946 xuất bản tập thơ đầu tay Thơ (tái bản đổi là Từ ấy), tập hợp các bài viết từ 1937.

Có lần, trong lúc trò chuyện, khi tôi hỏi đến những bài thơ riêng tư của ông, Tố Hữu nói: “Các cậu nên coi mình là nhà thơ nghiệp dư. Chưa bao giờ mình được làm thơ chỉ vì thơ. Hồi Từ ấy viết để vận động cách mạng. Sau này viết cũng là để giải quyết các nhiệm vụ chính trị. Coi mình là nhà thơ chuyên nghiệp là oan mình!”. Tôi hiểu đây là cách nói vui của nhà thơ lớn. Vận động cách mạng hay làm nhiệm vụ chính trị, với Tố Hữu, đã thành những vấn đề của trái tim, đã nhuần chín trong tâm tư tình cảm ông. Nghĩ cho cùng, thơ không tồn tại cho bản thân nó. Đạo Phật sinh ra không phải dành cho các ông Phật. Muốn cứu chúng sinh, Phật mới tìm ra Đạo. Tố Hữu sinh vào thời nước mất “đêm trường dạ tối tăm trời đất”, niềm nung nấu trong lòng ông là cứu nước. Đời ông, thơ ông đều hướng vào mục đích ấy. Trong cảm nghĩ thường ngày hay trong lời trăng trối, “đến hôm nay phút chết đã kề bên” (Lao Bảo 1940), Tố Hữu luôn canh cánh thường trực một nỗi niềm tranh đấu ấy. Cho nên tính nghiệp dư khi Tố Hữu nói về thơ ông chính là nét đặc sắc, là tầm lớn lao của tâm hồn ông:

Đi, bạn ơi, đi! Cả cuộc đời
Của ta nào chỉ của ta thôi!
Đã vay dòng máu thơm thiên cổ
Phải trả ta cho mạch giống nòi!

(Đi)

Đến đời mà còn như thế thì sống cũng có thể coi là nghiệp dư. Nó không sống cho nó. Nó vay và nó trả. Sống để trả ta cho mạch giống nòi.

Trong tập Từ ấy có nhiều bài hay viết từ năm mười bảy tuổi. Tố Hữu có năng lực cảm thụ rất nhạy và khả năng diễn đạt gây đồng cảm rất nhanh:

Gì sâu bằng những trưa thương nhớ
Hiu quạnh bên trong một tiếng hò!

(Nhớ đồng)

Đo thương nhớ bằng chiều sâu một buổi trưa từ, nghe hiu quạnh đông đầy trong một tiếng hò xa. Thơ Tố Hữu giàu điệu nhạc. Nhạc điệu trong bài Em ơi... Ba Lan... thành tiếng piano gợi nhớ Sôpanh, trong bài Tiếng chổi tre thành nhịp quét ngắn dài chầm chậm. Hình ảnh thường bình dị nhưng rất ám ảnh, và nhất là có sức khái quát. Giọng thơ thắm nhẹ, thấm thía, dễ thân dễ nhớ với mọi người.

Nhờ Tố Hữu, nền thơ cách mạng đã có sức tập hợp, chinh phục lớn đối với các thi sĩ đương thời và với bạn đọc. Các nhà thơ nổi tiếng của phong trào Thơ mới còn đang nhận đường, sáng tác của họ mới có nhiệt tình mà chưa thật sự có chất thơ của cuộc sống mới. Thơ của công nông binh thì có được hơi thở cuộc sống lớn lao nhưng nghệ thuật lại quá non nớt. Tố Hữu lúc đó đã bù đắp cho cả hai phía.

Với Tố Hữu, nhân vật trữ tình mới của thơ, người cộng sản, bắt đầu hiện diện. Cái riêng tư của nhân vật trữ tình này là cái chung của sự nghiệp cách mạng. Nổi bật khuâng cá thể mà ở Huy Cận thành “Mang mang thiên cổ sầu”, ở Xuân Diệu thành “Tôi buồn không hiểu vì sao tôi buồn”, ở Chế Lan Viên thành “Tất cả như vô nghĩa/ Tất cả không ngoài nghĩa khổ đau”, thì với Tố Hữu, đó lại là sự chủ động chọn lựa và chấp nhận gian lao:

Bao nhiêu hi vọng đem ngày mới

Với cả trời vui phủ địa cầu

Tôi đã nuôi trong lòng phần khởi

Từ ngày chân bước xuống hầm sâu

(Hầm người)

Phẩm chất lí tưởng trong cảm hứng thơ Tố Hữu thuở thanh niên ấy có sức say người, say bởi sự chân thành, bởi ý chí chiến đấu, bởi tinh thần quả cảm:

Đường cách mạng, từ khi tôi đã hiểu

Dấn thân vô là phải chịu tù đầy

Là gươm kẻ tận cổ, súng kẻ tai...

(Trăng trời)

Ý chí quyết liệt nhưng tình cảm không là lên gân, khô cứng mà đầy mê đắm, trẻ trung, mơ mộng. Thời đại vùng dậy vũ bão của quần chúng cách mạng đã tạo cảm hứng mới cho thơ. Thơ Tố Hữu đã bay trong quỹ đạo chiến đấu. Trong khi tài năng thơ Tố Hữu có đủ cái tinh tế, lãng mạn và phẩm chất thẩm mỹ của phong trào Thơ mới đương thời:

Cô gái thần thờ về áo mỏng,

Nghiêng nghiêng vành nón dáng chờ ai

Ven bờ sông phẳng con đò mộng

Lả lướt đi về trong gió mai...

(Dừng dừng)

Nhưng khi các nhà thơ lãng mạn của Thơ mới chạy trốn hiện thực, tìm vào cõi mơ màng, viễn vọng, tự lừa, tự ru mình thì Tố Hữu dấn thân và chiến đấu. Ông chấp nhận máu lửa tù đầy, gian khổ hi sinh để xóa bỏ bất công, để giành phẩm giá cho con người và độc lập cho dân tộc. Đẹp, cao cả. Đời ông thành niềm cảm hứng của thơ ông và thơ ông toàn tâm toàn ý phục vụ cho mục đích đấu tranh của đời ông. Lí tưởng hòa quyện trong vô vàn chi tiết cuộc sống đời thường, đời thực của người chiến sĩ. Lãng mạn tựa vào nội lực của hiện thực mà cất cánh. Giọng thơ thân gần dễ thấm, dễ hiểu với mọi người nhưng lại có sức lay động, đánh thức phần anh hùng gan góc tiềm ẩn trong mỗi hồn người. Từ ấy có sức giác ngộ cách mạng nhưng nó không sa vào kiểu tuyên truyền hướng ngoại.

Tố Hữu giải bày tâm sự, như nói với chính mình, ngay cả khi thơ dùng ngôi thứ hai. Toàn tập một giọng nội tâm, trong tinh thần “cái tôi thú nhận”. Thú nhận đã sống, đã chiến đấu, đã tự vượt mình. Bài thơ Con cá, chột nửa viết trong những ngày tuyệt thực ở nhà tù Lao Bảo 1940 là một cuộc đấu tranh thầm lặng, giằng xé, đầy quyết liệt nhưng giọng cứ trầm thì, tự nói tự nghe, chân thực lắm. Sức cảm hóa của thơ Tố Hữu ở tập đầu tay này có gì đồng dạng với thơ Phan Bội Châu không lâu trước đó. Phan Bội Châu từng coi “Lập thân tối hạ thị văn chương”

(Lập thân bằng văn chương là thấp nhất). Ông đã dùng thơ viết những dòng máu và nước mắt tâm sự với đồng bào về tình dân, vận nước. Ở độ tuổi hai mươi, Tố Hữu đã có “đôi mắt thần: chủ nghĩa”, ông nhìn ra thực trạng xã hội bất công, nỗi lầm than thống khổ của đồng bào. Hình ảnh những em bé nghèo khổ, những người con gái cực nhọc, những thân già đơn chiếc, bần cùng... đã thành những ám ảnh xót thương đòi quyền sống trong thơ Tố Hữu. Chủ nghĩa nhân đạo của Tố Hữu đồng nghĩa với chiến đấu, với giải phóng.

Người ta dễ dàng nhận thấy Tố Hữu đã tận dụng được mọi thành tựu cách tân của Thơ mới, nhưng lại ít người chú ý đến phần đóng góp trở lại của Tố Hữu từ báo chí bí mật cho thi đàn công khai. Tố Hữu tinh tế sử dụng âm điệu để tạo tình và tạo cả nghĩa cho câu thơ:

Thông reo bờ suối rì rào

Chim chiều chiu chít, ai nào kêu ai?

(Tiếng hát đi đày)

Bốn âm ch liên nhau tượng thanh tiếng chim non và cũng gọi một e ấp, chầm chút, chiều chuộng lúc chiều hôm làm tôn tình cảnh cô quạnh của người tù trên đất lạ.

Mở đầu bài Tiếng hát sông Hương, hai cặp ba câu đối xứng nhau giữa trời và nước, tạo nên hình và bóng một con thuyền in trên mặt nước sông Hương. Mặt sông yên tĩnh (nên mới có hình bóng ấy) tương phản với cuộc đời con người trên sông đầy bão gió cho thấy một thực trạng bên trong một đời sống ngỡ như yên bình thời ấy:

Trên dòng Hương Giang

Em buông mái chèo

Trời trong veo

Nước trong veo

Em buông mái chèo

Trên dòng Hương Giang

Những sáng tạo diễn đạt này, bạn đọc sẽ gặp mau hơn trong những chặng thơ sau. Điều đó chứng tỏ Tố Hữu coi trọng và rất “chuyên nghiệp” trong nghệ thuật ngôn từ.

Vào cuộc kháng chiến chống Pháp 1946 - 1954, trong thơ, khía cạnh trữ tình chủ thể dần khép lại nhường chỗ cho thi pháp hiện thực khách thể. Đọc thơ Tố Hữu giai đoạn này, gói trọn trong tập Việt Bắc, người ta ít thấy bóng dáng tác giả như trong giai đoạn trước. Bù lại, đời sống kháng chiến và tâm tình của người dân, người lính, người cán bộ... lại hiện lên rõ nét và phong phú. “Cái ta” trở thành đối tượng chính yếu của văn chương. Các nhà thơ đã thành danh như Xuân Diệu, Huy Cận, Chế Lan Viên... đang từ bỏ cảm hứng cũ chất từ mình để bắt đầu nuôi dưỡng cảm hứng mới lấy từ đời, từ cuộc kháng chiến của toàn dân. Công việc chẳng dễ dàng. Có lúc người trong cuộc tự coi đó là cuộc “lột xác” (chữ dùng nghe sợ quá!) “Sang bờ tư tưởng ta là ta” (Tế Hanh). Thay đổi tư tưởng đã khó, thay đổi cảm xúc còn khó hơn. Cả một lớp nhà thơ tài năng của phong trào Thơ mới, dù đã toàn tâm toàn ý đứng dưới cờ kháng chiến cứu nước, dù đã vui vẻ và chủ động chấp nhận mọi thiếu thốn hi sinh, thơ vẫn cứ mất mùa. Người hăng hái nhất có lẽ là Xuân Diệu, dấu vết cố gắng hằn trong câu, trong chữ mà thơ vẫn chưa đến được hồn người. Huy Cận, Chế Lan Viên, Lưu Trọng Lư, Tế Hanh và nhiều cây bút tài danh trong mùa thơ cũ gần như không viết được. Có viết thì hồn cũng chưa nhập chữ. Tố Hữu không rơi vào tình cảnh ấy. Ông vẫn liên mạch cảm xúc, liên mạch lí tưởng từ thời Từ ấy: cảm xúc dân thân chiến sĩ và lí tưởng tự do độc lập.

Không “lột xác”, nhưng Tố Hữu có đổi thay. Thơ chất chứa nhiều hơn, không phải chỉ là cảm và nghĩ của nhà thơ trước đời sống mà còn là bản thân đời sống với nhiều chi tiết chân thực, tươi rói... Hình ảnh lãnh tụ Hồ Chí Minh trong thơ Tố Hữu tháng Tám 1945 mới là những nét sơ đồ, của sự “nghĩ ra”, còn là khái niệm:

...cảm tử đi tiên phong
Đánh trăm trận, thề trăm phen quyết thắng!
Bao thất bại dẫu xót lòng cay đắng
Hồn vẫn tươi vui, thơm ngát tình đời
Bước trường chinh dầu mỗi gỏi khan hơi
Tim gang thép vẫn bùng bùng lửa chiến

(Hồ Chí Minh)

Nhưng đến Sáng tháng Năm, viết 1951, hình ảnh Bác đã là một chân dung sống động:
Bác Hồ đó, chiếc áo nâu giản dị

Màu quê hương bền bỉ đậm đà
Ta bên Người, Người tỏa sáng trong ta
Ta bỗng lớn ở bên Người một chút...
Bác Hồ đó, ung dung châm lửa hút
Trán mênh mông, thanh thản một vùng trời.

Người đọc như được theo nhà thơ mà đứng bên lãnh tụ. Chữ nghĩa to tát bớt đi, nhưng nhân vật hóa thân gần và tình cảm tác giả thật hồn nhiên mà sâu sắc. Những năm sau, Tố Hữu còn nhiều dịp viết về Bác, có khi là trường ca, nhưng tất cả như đã được bắt đầu từ mốc chuyển ý nghĩa này. Tố Hữu đổi thay cả cảm, cả nghĩ, cả ngôn ngữ và cách diễn đạt.

Năm 1938, tả nỗi lòng người vú em nhớ đứa con đang khát sữa ở quê nhà, Tố Hữu viết:
Hồi hộp nàng ra vịn cửa lầu

Nhìn xuống ven trời dày bóng nặng
Tìm nghe trong gió tiếng con đâu

(Vú em)

Hình ảnh ấy, ngôn ngữ ấy chưa hợp với không gian tâm trạng người đàn bà thôn quê đi ở vú. Mười năm sau, 1948, về một người đàn bà quê Bắc Giang đi phá đường cản xe cơ giới giặc Pháp, ngôn ngữ thơ đã biết bao nhuần nhuyễn hài hòa với tâm trạng nhân vật, với làng mạc ngàn đời xứ Bắc và với cả không khí kháng chiến giai đoạn ấy:

Nhà em con bé con bông
Em cũng theo chồng đi phá đường quan.

Và:
Đường đi ngoắt ngoéo chữ chi
Hố ngang hố dọc chữ i chữ tờ.

(Phá đường)

Những thành ngữ bình dân của thường ngày, con bé con bông, hố ngang hố dọc, rồi hình ảnh những chữ i chữ tờ vừa mang ra từ lớp bình dân học vụ, và ngay cả cái vần lưng học của ca dao... đủ sức gọi nội dung toàn dân toàn diện của cuộc kháng chiến và cho thấy sau chặng “hiện đại hóa” cùng các nhà Thơ mới, Tố Hữu đã “dân tộc hóa” rất nhuần nhuyễn hình thức diễn đạt của thơ mình.

Một nhược điểm chung của cả nền thơ kháng chiến chống Pháp mà Tố Hữu cũng không tránh khỏi, là cả cảm lẫn nghĩ thường bị tãi, loãng. Có lẽ do yêu cầu phổ cập, bài thơ cần rõ ràng, dễ hiểu, tránh dùng biểu tượng, nên các tác giả phải kể lể lớp lang, giải thích ngọn ngành, đầy đủ. Phẩm chất hàm súc của thơ chịu nhiều thua thiệt. Bài thơ dài Việt Bắc khá điển hình cho nhược điểm này, dù trong bài có nhiều câu thơ đẹp.

Tố Hữu thời kì này là cán bộ cao cấp, phụ trách công tác tuyên huấn. Công việc tuyên huấn đòi lúc lặn vào cảm xúc thơ. Anh bộ đội trong bài Bầm ơi chào mẹ lúc ra đi có một ngôn ngữ rất tuyên huấn:

Con đi mỗi bước gian lao

Xa bầm nhưng lại có bao nhiêu bầm

(Bầm ơi)

Không có người con nào lúc xa mẹ lại nói thế (Xa mẹ con có khối mẹ khác!). Đây là Tố Hữu đã mượn đề tài mẹ con để vun đắp tình quân dân, xây dựng phong trào “mẹ chiến sĩ”.

Những năm miền Bắc xây dựng và đấu tranh thống nhất đất nước in dấu rõ nét trong tập thơ Gió lộng. Gió lộng theo tôi là tập thơ chín nhất của Tố Hữu trong nền thơ nước Việt dân chủ cộng hòa. Chín về bút pháp, chín về sự hòa nhập khách thể đời sống và chủ thể trữ tình. Bài ca mùa xuân 1961, Em ơi... Ba Lan..., Tiếng chổi tre, Mẹ Tơm khi đó là những bài thơ xuất sắc của cả nền thơ. Nghệ thuật xây dựng hình tượng nhân vật, đặc biệt là cách sử dụng âm điệu (Em ơi... Ba Lan..., Tiếng chổi tre...) rất sáng tạo. Hình ảnh người dân thường đánh giặc (Mẹ Tơm và sau này Mẹ Suốt) đã thành những đài kỉ niệm bất tử của chiến tranh nhân dân. Sức khái quát chủ đề và dung lượng đề tài rất rộng, mang tính sử thi, tính anh hùng ca nhưng không quá sao nhãng yếu tố trữ tình, cá thể hóa của cảm xúc. Trong bài Mẹ Tơm, sự hoài niệm có gì lắng lại, khi hỏi tuổi cô gái tên Nhiều, được diễn đạt rất tinh tế bằng sự ngập ngừng của câu thơ cất đôi:

Nhiều đấy ư em, mấy tuổi rồi?

- Hai mươi.

- Ờ nhỉ, tháng năm trôi

Trong bài Hãy nhớ lấy lời tôi, sau ba câu hô Hồ Chí Minh muôn năm! của người đền nợ nước, Tố Hữu hạ một chữ gọi làm rung chuyển tâm trí người đọc. Khẩu hiệu thành tiếng trăng trời của lòng người:

Hồ Chí Minh muôn năm!

Hồ Chí Minh muôn năm!

Hồ Chí Minh muôn năm!

Phút giây thiêng Anh gọi Bác ba lần!

Bài Mẹ Suốt, cũng là hình ảnh người dân thường anh hùng nhưng ý thơ hàm súc hơn so với bài Bà má Hậu Giang. Tính biểu tượng được đẩy cao hơn mà bài thơ vẫn giữ nét sinh động vốn có của đời sống. Tính cách hai bà mẹ yêu nước của hai giai đoạn lịch sử cho thấy một chặng phát triển tâm hồn người dân Việt Nam ta. Cái đỉnh đặc tự tin ở mẹ Suốt “Tây kia ta đã thắng, Mĩ này ta chẳng thua” chưa thể tìm thấy ở bà má Hậu Giang 1941 (“Chết! Có tiếng gì rơi sột soạt! / Má già run trán toát mồ hôi / Chạy đâu? Thôi chết, chết rồi!”). Sau Mẹ Suốt, Enily, con... Tố Hữu vẫn viết đều, nhưng sức chan hòa vào đời sống không được như trước. Ông thiên về bình luận, chiêm nghiệm. Những chi tiết tươi xanh sống động của đời như bị lọc lại. Thơ hình thành từ ý tưởng nhiều hơn là từ những xúc động chợt đến đầy run rẩy và hồi hộp.

Nhìn lại cả đời thơ Tố Hữu, trước sau nỗi niềm sâu kín trong tâm hồn ông vẫn là nỗi niềm người chiến sĩ toàn tâm toàn ý cho lí tưởng. Suốt cuộc đời ông và toàn bộ thơ ông, dù trong hoàn cảnh nào cũng không chệch cái đích mà ông vươn tới. Đó là một phẩm chất. Tố Hữu có niềm kiêu hãnh của người nghệ sĩ tự nguyện đặt tài năng mình xuống chân bạn đọc, làm viên đá lát đường thúc họ tiến về mục đích.

Vũ Quần Phương // <http://nguoihanoi.com.vn>

BẢO TÀNG VỀ NHÀ THƠ CHIẾN SĨ CÁCH MẠNG TỐ HỮU

Hưởng tới kỷ niệm 100 năm Ngày sinh nhà thơ Tố Hữu (4-10-1920 - 4-10-2020), gia đình nhà thơ sẽ chính thức khai trương Bảo tàng Tố Hữu tại Hà Nội, giới thiệu cuộc đời và sự nghiệp của nhà thơ gắn liền với các giai đoạn cách mạng Việt Nam.

Bảo tàng Tố Hữu được xây dựng trên cơ sở Nhà lưu niệm Tố Hữu trong khuôn viên của nhà D9 - Làng quốc tế Thăng Long (Hà Nội) khai trương từ năm 2009, vốn là một địa điểm thu hút khách tham quan, các đồng chí, đồng nghiệp và những người yêu mến sự nghiệp văn học nghệ thuật của nhà thơ cách mạng Tố Hữu. Sau hơn mười năm đi vào hoạt động, Nhà lưu niệm Tố Hữu đã đón hàng nghìn lượt khách và tổ chức được nhiều sự kiện văn hóa, nghệ thuật, tọa đàm, hội thảo về nhà thơ.

Nhằm nâng cấp chất lượng trưng bày các tư liệu, hiện vật, đáp ứng nhu cầu tìm hiểu việc tra cứu, sưu tập bổ sung nhiều nguồn tài liệu phong phú, gia đình nhà thơ và các chuyên gia ngành bảo tàng, đứng đầu là PGS, TS Nguyễn Văn Huy, nguyên Giám đốc Bảo tàng Dân tộc học Việt Nam và Thạc sĩ đồ họa Đàm Ca đã xây dựng lại nội dung trưng bày và thiết kế, nâng cấp Nhà lưu niệm trở thành Bảo tàng Tố Hữu.



Một góc trưng bày tại Bảo tàng Tố Hữu.

Diện tích hơn 120 m², các hình ảnh, tư liệu, hiện vật tại bảo tàng đã được bố trí trưng bày một cách khoa học và đổi mới, kết hợp trực quan và hiệu ứng của nhiều phương tiện nghe nhìn, cung cấp cho người xem một cách đầy đủ và đa chiều các tư liệu bối cảnh quốc tế, đất nước, cuộc đời và sự nghiệp của nhà thơ - chiến sĩ cách mạng Tố Hữu trong thế kỷ 20 đầy biến động.

Bảo tàng bao gồm hai phần nội dung, trong đó phần thứ nhất trưng bày về cuộc đời, sự nghiệp của nhà thơ Tố Hữu được sắp xếp theo một chủ đề xuyên suốt, thể hiện qua bảy tập thơ gắn liền với những giai đoạn lịch sử

cách mạng của đất nước.

Các tư liệu gốc, hình ảnh, hiện vật được phụ họa với hệ thống thông tin đa phương tiện sẽ lần lượt giới thiệu và góp phần khắc họa, làm rõ hơn chân dung của một nhà thơ, chiến sĩ cách mạng Tố Hữu. Từ những bước đầu Tố Hữu đến với thơ ca tràn đầy nhiệt huyết và lý tưởng sống của tuổi trẻ, được giác ngộ và quyết định dấn bước trên con đường cách mạng nhiều hy sinh, gian khổ. Phần nội dung này cũng làm rõ các giá trị và tư tưởng nghệ thuật của các tác phẩm thơ ca Tố Hữu, phụng sự Đảng, phụng sự cách mạng và dân tộc.

Thơ ca Tố Hữu trong từng giai đoạn lịch sử, đã là nguồn động lực quan trọng với các chiến sĩ cách mạng trong những năm tháng đen tối thời thuộc địa, giành độc lập, tự do, cổ vũ quân và dân ta kiên cường đi qua hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ để đi đến ngày toàn thắng, giải phóng hoàn toàn miền nam, thống nhất Tổ quốc. Bên cạnh đó là những khoảng lặng tâm tình, tự sự, là “tiếng lòng” của nhà thơ qua mỗi trang tác phẩm, hồi ký quý hiếm được trưng bày trong một không gian khá ấn tượng.

Phần nội dung thứ hai là không gian tái tạo phòng khách và phòng làm việc của ông tại căn nhà 76 Phan Đình Phùng (Hà Nội), nơi nhà thơ Tố Hữu và gia đình đã sống suốt từ năm 1960 đến năm 2002, nơi ông tiếp đón bạn bè, đồng nghiệp, các vị lãnh đạo, các văn nghệ sĩ, những người yêu ông và yêu thơ ông với chiếc bàn và những trang thơ dịch cuối cùng còn bỏ ngỏ trước khi ông ra đi.

Với một phong cách trưng bày mới, tương đối đầy đủ, Bảo tàng Tố Hữu sẽ mang tới cho công chúng những góc nhìn mới sâu sắc hơn. Sau khi khai trương vào đúng dịp kỷ niệm 100 năm Ngày sinh nhà thơ Tố Hữu, bảo tàng sẽ đón khách vào các ngày thứ bảy hằng tuần.

Việt Châu // <https://nhandan.com.vn>

NHỮNG NĂM THÁNG HOẠT ĐỘNG CÁCH MẠNG CỦA ĐỒNG CHÍ TỐ HỮU TẠI THANH HÓA

Tháng 7/1942, Đồng chí Tố Hữu - người chiến sĩ cộng sản, nhà thơ cách mạng hàng đầu của dân tộc Việt Nam thế kỷ XX đã vượt ngục Đắk Lay (tỉnh Kon Tum) bí mật về hoạt động cách mạng tại Thanh Hóa. Những năm tháng hoạt động tại đây, đồng chí được bầu làm Bí thư Tỉnh ủy Thanh Hóa trong 2 thời kỳ: Từ tháng 3/1944 - 5/1945 và cuối năm 1946 - 9/1947.



Đồng chí Tố Hữu

Tố Hữu tên thật là Nguyễn Kim Thành, sinh ngày 4 tháng 10 năm 1920 tại làng Phù Lai, xã Quảng Thọ, huyện Quảng Điền, tỉnh Thừa Thiên Huế trong một gia đình nhà Nho nghèo. Tố Hữu là tên khi hoạt động cách mạng và bút danh khi sáng tác, bí danh là Lành.

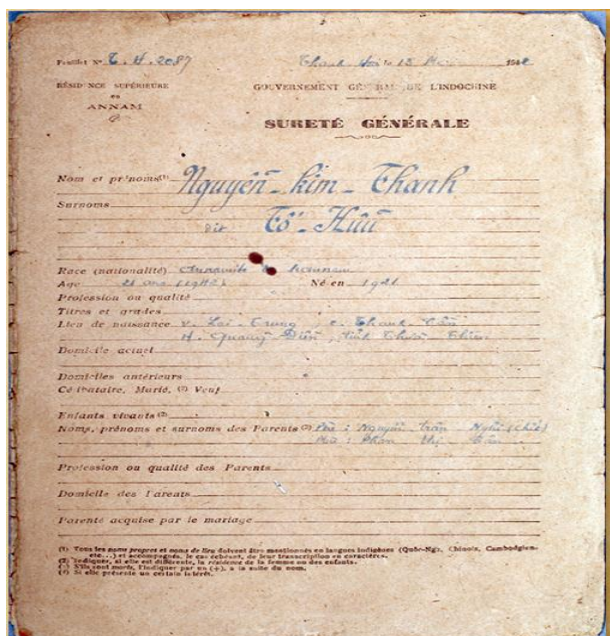
Năm 13 tuổi, ông được gia đình cho vào học tại trường Quốc học Huế. Lớn lên giữa lúc phong trào đấu tranh cách mạng do Đảng Cộng sản Đông Dương lãnh đạo, đang phát triển mạnh mẽ trong thời kỳ Mặt trận dân chủ nên ông sớm được giác ngộ cách mạng. Năm 16 tuổi, ông gia nhập Đoàn Thanh niên Cộng sản và trở thành người lãnh đạo Đoàn Thanh niên Dân chủ ở Huế. Năm 17 tuổi, ông gia nhập Đảng Cộng sản Đông Dương. Năm 18 tuổi, ông được cử vào Thành ủy Huế phụ trách tuyên truyền và thanh vận.

Tháng 4 năm 1938, Tố Hữu bị thực dân Pháp bắt và bị kết án hai năm tù, giam ở Huế. Do đấu tranh chống chế độ nhà tù tàn bạo của thực dân Pháp, nên ông bị tăng án tù và đày đi Lao Bảo, rồi Buôn Mê Thuột, sau đó đi trại tập trung Đắk Lay (tỉnh Kon Tum). Từ những năm 1937 đến 1938 và suốt những năm tháng bị giam trong nhà lao, Tố Hữu vừa rèn luyện ý chí, vừa làm nhiều thơ ca cách mạng. Những bài thơ ấy sau này được tập hợp in lại dưới nhan đề “Tù ấy”.

Tháng 3 năm 1942, vượt ngục Đắk Lay, Tố Hữu bị giặc Pháp truy bắt khắp các tỉnh miền Trung. Trong khi đó, phong trào cách mạng ở Thanh Hóa vừa trải qua đợt khủng bố trắng tàn khốc của quân thù sau chiến khu Ngọc Trạo. Hầu hết cán bộ Tỉnh ủy, một bộ phận đảng viên cộng sản và các chiến sĩ du kích Ngọc Trạo đã bị địch bắt giữ, tra tấn, tù đày. Các đồng chí Lê Tất Đắc, Trịnh Ngọc Điệt, Hoàng Tiến Trình, Hoàng Xung Phong... những chiến sĩ cộng sản vừa thoát khỏi lao tù đế quốc đã tìm mọi cách chấp nối liên lạc với cơ sở Đảng trong tỉnh, thành lập lại Tỉnh ủy, củng cố lại phong trào.

Tháng 7/1942, Tỉnh ủy lâm thời Thanh Hóa được thành lập, do đồng chí Lê Tất Đắc làm Bí thư. Sau khi trốn khỏi nhà lao, Tố Hữu bí mật về hoạt động tại Thanh Hóa và được bổ sung vào đội ngũ cán bộ lãnh đạo của Đảng bộ.

Nhân ngày quốc tế chống chiến tranh (tháng 8/1942), Tỉnh ủy Thanh Hóa quyết định ra tờ báo “Đuổi giặc nước” đầu tiên. Tại một cơ sở cách mạng ở làng Thổ Phụ (huyện Vĩnh Lộc), Tố Hữu được Tỉnh ủy phân công vừa viết bài vừa biên tập. Tờ báo ra đời đã nhanh



Hồ sơ án của Tố Hữu lưu tại Sở mật thám Pháp năm 1942 trưng bày tại Bảo tàng Thanh Hóa

Hậu cũng từ bỏ nghề đi chăn trâu thuê để làm nghề cắt tóc dạo, lấy tiền nuôi các cán bộ, đồng thời làm liên lạc, móc nối với các tổ chức phát báo, rải truyền đơn tuyên truyền cho cách mạng. Quân thù nhiều lần vây ráp, anh Sò và anh Hậu bị bắt, bị tra tấn dã man, nhưng vẫn một lòng trung thành với Đảng, với nhân dân không khai báo gì. Để đảm bảo an toàn cho cơ quan, tờ báo phải chuyển đến cơ sở mới tại các huyện Nga Sơn, Hoằng Hóa, rồi lại quay về Hậu Lộc.



Tráp cắt tóc của anh Sò (con trai mẹ Tơm) dùng cắt tóc nuôi đ/c Tố Hữu và chuyển tài liệu cách mạng trưng bày tại Bảo tàng Thanh Hóa

chóng thổi một luồng gió mới, đem lại cho quần chúng lao khổ niềm tin vào sức mạnh mới của Đảng, của nhân dân, được xem là vũ khí tư tưởng sắc bén để tập hợp, cổ vũ, hướng dẫn và tổ chức quần chúng đấu tranh cách mạng. Vì vậy, thực dân Pháp đã tiến hành truy quét, khủng bố Vĩnh Lộc và cơ quan phát hành báo phải chuyển về gia đình mẹ Tơm - một cơ sở cách mạng ở làng Hanh Cù (xã Hải Lộc, huyện Hậu Lộc).

Gia đình mẹ Tơm (tên thật là Nguyễn Thị Quyển) là một gia đình rất nghèo khổ, nhưng mẹ Tơm và chồng con đã hết lòng bảo vệ nuôi dưỡng cơ quan báo và cán bộ cách mạng. Sớm được đ/c Đinh Chương Dương và đ/c Đinh Chương Phượng giác ngộ, hai người con trai của mẹ Tơm là Vũ Văn Sò và Vũ Đức

Tháng 2/1943, Tỉnh ủy triệu tập Hội nghị tại làng Thượng (xã Nga Thắng, huyện Nga Sơn) để nghe đồng chí Lê Tất Đắc báo cáo kết quả về việc gặp đại diện Ban Chấp hành Trung ương Đảng và quyết định những nhiệm vụ của Đảng bộ trong tình hình mới: Nhấn mạnh công tác xây dựng Đảng, phát triển Việt Minh và lực lượng vũ trang, phát động rộng rãi phong trào chống phát xít. Hội nghị này quyết định bổ sung đồng chí Tố Hữu vào Tỉnh ủy và phân công đồng chí phụ trách Hoằng Hóa.

Hoằng Hóa là một vùng đất có truyền thống yêu nước và cách mạng, Tố Hữu bàn với cụ Lê Quang Trường (xã Hoằng Tiến, Hoằng Hóa) quyết định xây dựng

ngôi nhà của cụ thành một cơ sở quan trọng của Tỉnh ủy Thanh Hóa; Nhà của cụ Nguyễn Huy Soạn là cơ sở để tuyên truyền phát triển lực lượng cách mạng. Từ đó, nhiều cán bộ cách mạng thường lui tới đây để trao đổi tình hình và củng cố các cơ sở cách mạng.

Để mở rộng phong trào, dưới sự chỉ đạo của Tố Hữu, Ban vận động Việt Minh Hoằng Hóa được thành lập; Chi bộ Đảng huyện Hoằng Hóa ra đời (gồm 3 đ/c: Lê Khắc Cầm,

Nguyễn Huy Soạn, Lê Khắc Duy). Nhiều cuộc đấu tranh của quần chúng liên tiếp nổ ra như: Cuộc đấu tranh chống quan lại lấn chiếm đất của người dân Hoàng Châu, chống bọn lý trưởng, hương lý đánh đập phu phen đắp đê Ngọc Xoa ở Hoàng Đạt. Đặc biệt là tháng 11/1943, có 2000 người ở các tổng phía Nam huyện đã biểu tình chống đi phu làm đường số 14.



Tờ báo Đuổi giặc nước số ra ngày 15/9/1944 hiện trưng bày tại Bảo tàng Thanh Hóa

Từ khi có Chi bộ Đảng, phong trào cách mạng trong toàn huyện nhanh chóng phát triển thành cao trào, góp phần đưa cách mạng lên tới đỉnh cao là cuộc khởi nghĩa ngày 24/7/1945 diễn ra mau lẹ, giành chính quyền thuận lợi, mở đầu công cuộc khởi nghĩa trong toàn tỉnh.

Tháng 3/1944, đồng chí Lê Tất Đắc được Ban Chấp hành Trung ương điều động đi công tác ở xứ ủy Bắc Kỳ, đồng chí Tố Hữu được cử làm Bí thư Tỉnh ủy Thanh Hóa.

Là một Bí thư trẻ, nhưng Tố Hữu đã xây dựng được khối đoàn kết vững chắc, phát huy được trí tuệ mọi người, tạo nên sức chiến đấu của Tỉnh ủy mạnh mẽ, đưa các phong

trào của tỉnh tiến nhanh, mạnh đáp ứng yêu cầu cách mạng lúc bấy giờ. Ông cùng với các đồng chí trong Tỉnh ủy đề ra nhiều chủ trương xây dựng, củng cố phát triển Đảng, thành lập Ban Mặt trận Việt Minh tại các phủ, huyện; xây dựng lực lượng vũ trang cách mạng; lực lượng tự vệ chiến đấu, các tổ chức quần chúng cứu quốc; tổ chức nhiều phong trào mít tinh, biểu tình cho quần chúng đòi quyền lợi dân sinh dân chủ như: Phong trào chống bắt phu, bắt lính, chống nhổ lúa, trồng đay, chống cướp bóc; cướp kho thóc của Nhật - Pháp và bọn tay sai chia cho dân nghèo liên tiếp diễn ra sôi nổi, rộng khắp mọi miền quê.

Nhiều cuộc mít tinh thường được tổ chức vào ban đêm, ở nhiều địa điểm nhân các ngày lễ lớn như ngày mất của anh hùng dân tộc Lê Lợi, khởi nghĩa Bắc Sơn, khởi nghĩa Nam Kỳ v.v... trở thành các cuộc mít tinh tuyên truyền cho mặt trận Việt Minh. Tố Hữu đã tham gia và nói chuyện với nhân dân về truyền thống cách mạng cũng như lịch sử văn hóa, về các bậc tiền bối trong huyện mà ông cố gắng đi sâu tìm hiểu. Do đó quần chúng rất tin yêu và đi theo cách mạng.

Đầu năm 1945, thực hiện chủ trương của Xứ ủy Bắc Kỳ, các tỉnh Thanh Hóa, Hòa Bình, Ninh Bình góp sức xây dựng chiến khu Hòa - Ninh - Thanh (chiến khu Quang Trung) nhằm tạo ra chỗ dựa, chỉ đạo nhân dân ba tỉnh chuẩn bị lực lượng chớp thời cơ giành chính quyền, Tố Hữu đã tham gia Ban chỉ đạo chiến khu với cương vị Bí thư Tỉnh ủy Thanh Hóa.

Nhận thức rõ thời cơ khởi nghĩa giành chính quyền sắp đến gần, tháng 2/1945, Tỉnh ủy chủ trương đổi tờ báo "Đuổi giặc nước" thành tờ báo "Khởi nghĩa" - cơ quan ngôn luận của chiến khu Quang Trung, Tố Hữu trực tiếp làm Tổng biên tập. Tờ báo ra đời nhằm kịp thời động viên, chỉ đạo quần chúng nhân dân chuẩn bị điều kiện vùng lên.

Sau khi nhận được chỉ thị "Nhật - Pháp bắn nhau và hành động của chúng ta" của Trung ương Đảng, tháng 4/1945, Tỉnh ủy Thanh Hóa, dưới sự chủ trì của đồng chí Tố Hữu, đã

tiến hành Hội nghị Đại biểu Đảng bộ tỉnh tại làng Vĩ Liệt (huyện Hà Trung) nhằm hướng dẫn phong trào cách mạng trong toàn tỉnh, “gấp rút chuẩn bị khởi nghĩa”.

Thực hiện chủ trương của Tỉnh ủy, quần chúng cách mạng xuống đường đấu tranh quyết liệt. Tại các làng, tổng, Mặt trận Việt Minh đã chỉ đạo lực lượng tự vệ hỗ trợ quần chúng cướp kho thóc của Nhật chia cho dân nghèo, tổ chức vay lương thực của nhà giàu cứu đói. Lực lượng vũ trang ngày đêm rèn, sắm vũ khí, tổ chức luyện tập quân sự đợi ngày khởi nghĩa. Tỉnh ủy chỉ đạo mở các lớp huấn luyện quân sự cho cán bộ các cấp, nhờ đó phong trào vũ trang kháng Nhật, cứu nước phát triển sâu rộng. Tất cả các địa phương trong tỉnh náo nức, khẩn trương chuẩn bị tiến tới tổng khởi nghĩa trên địa bàn toàn tỉnh.

Trong khi đang cùng Tỉnh ủy chỉ đạo toàn dân chuẩn bị mọi điều kiện gấp rút khởi nghĩa thì tháng 5/1945, Tố Hữu được Trung ương điều động về miền Trung. Mọi công việc đồng chí bàn giao lại cho đồng chí Trịnh Ngọc Diệt - quyền Bí thư Tỉnh ủy Thanh Hóa rồi lên đường nhận nhiệm vụ mới.

Năm 1946, Tố Hữu ra Trung ương phụ trách công tác văn hóa và thanh niên. Đến tháng 12/1946, Tố Hữu được điều về làm Bí thư Tỉnh ủy Thanh Hóa lần thứ hai.

Lần thứ hai làm Bí thư Tỉnh ủy Thanh Hóa, Tố Hữu nhận nhiệm vụ cùng Tỉnh ủy xây dựng Thanh Hóa thành một tỉnh hậu phương chiến lược khi cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp nổ ra. Lần này đồng chí Bí thư Tỉnh ủy phải lo việc cứu đói, chống giặc đốt và chuẩn bị mọi mặt cho cuộc kháng chiến trường kỳ, phải phá hủy đường giao thông, cầu cống, thành phố để ngăn chặn bước tiến của quân thù.

Ngày 20/2/1947, Tố Hữu vinh dự cùng với đồng bào, đồng chí đón Bác Hồ về thăm Thanh Hóa lần đầu tiên. Trong buổi nói chuyện này, Bác đã căn dặn: “*Thanh Hóa phải trở nên một tỉnh kiểu mẫu... phải làm sao cho mọi mặt: Chính trị, quân sự, kinh tế, văn hóa phải là kiểu mẫu... Quyết tâm làm thì sẽ trở thành kiểu mẫu*”. “*...Nhân tố cơ bản làm cho Thanh Hóa trở thành tỉnh kiểu mẫu là đội ngũ cán bộ phải có năng lực, phẩm chất ngang tầm với nhiệm vụ chính trị, toàn dân phải chung sức, chung lòng vì sự nghiệp kháng chiến, kiến quốc...*”

Thời gian trở lại làm việc với cán bộ và đồng bào Thanh Hóa chưa được bao lâu, đến tháng 9/1947, Ông lại được Trung ương Đảng điều động lên chiến khu Việt Bắc với vai trò mới.

Từ khi trở thành cán bộ cao cấp của Đảng và nhà nước, Tố Hữu thường xuyên quan tâm chỉ đạo, giúp đỡ sự nghiệp cách mạng trên quê hương Thanh Hóa. Ông đã để lại trong lòng Đảng bộ, nhân dân Thanh Hóa nhiều tình cảm hết sức cao đẹp. Bởi chính nơi đây, được ông gắn bó một phần máu thịt và yêu quý như quê hương thứ hai của mình.

“Gió thu lại gọi về Thanh

Quê em mà cũng quê anh từ nào”

Đường vào khu Bốn, vào Thanh

Không đi thì nhớ không đành, phải đi”.

Nguyễn Thị Thắm // <https://baotang.thanhhoa.gov.vn>